

# KHẢO SÁT ĐẶC TÍNH SINH TRƯỞNG, NĂNG SUẤT VÀ PHẨM CHẤT MỘT SỐ GIỐNG ĐU ĐỦ TẠI TIỀN GIANG

Nguyễn Trinh Nhất Hằng<sup>1</sup>, Hà Thị Tuyết Phượng<sup>1</sup>

## TÓM TẮT

Đu đủ (*Carica papaya* L.) là loại cây ăn quả được trồng phổ biến ở vùng nhiệt đới và bán nhiệt đới. Ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long, đu đủ được xem là cây ăn quả ngắn ngày có thể trồng chuyên canh, trồng xen trong các vườn cây ăn quả. Một số giống đu đủ địa phương và nhập nội được thu thập rất đa dạng về kiểu hình, cần được đánh giá về năng suất và phẩm chất. Nghiên cứu khảo sát đặc tính sinh trưởng, năng suất và phẩm chất một số giống đu đủ được thực hiện tại Tiền Giang trong thời gian 2017 - 2019. Thí nghiệm được bố trí theo khối hoàn toàn ngẫu nhiên, 7 nghiệm thức (7 giống đu đủ), 3 lần lặp lại. Kết quả ghi nhận giống đu đủ ĐM-70 và đu đủ KD có độ ngọt (TSS) đạt trên 10% độ Brix, độ chắc thịt quả cao trên 1,7 kg/cm<sup>2</sup>; Dạng quả thon dài, khối lượng quả trung bình trên 1.400 g; năng suất (25,6 kg/cây và 27,3 kg/cây) cao hơn giống đu đủ Đài Loan (đối chứng). Giống ĐM-70 và giống KD được đánh giá năng suất và chất lượng tốt trong số bảy giống đu đủ khảo sát.

**Từ khóa:** *Carica papaya*, giống đu đủ, năng suất, phẩm chất, Tiền Giang

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đu đủ (*Carica papaya* L.) là một trong những loài thuộc chi *Carica*. Theo FAO, tổng diện tích trồng đu đủ trên thế giới là 447.829 ha với tổng sản lượng đạt 12.971.418 tấn (FAO, 2017). Ở Việt Nam, đu đủ được trồng hầu hết ở các tỉnh miền Bắc và miền Nam do cây thích hợp với nhiều loại đất trồng (Nguyễn Văn Hoan và *ctv.*, 2010). Đu đủ được xem là cây ăn quả ngắn ngày có thể trồng xen trong các vườn cây ăn quả, trồng chuyên canh, là một trong những cây ăn quả sớm cho thu hoạch mang lại thu nhập cho nhà vườn. Trong những năm gần đây năng suất và phẩm chất đu đủ bị giới hạn do ảnh hưởng của bệnh đốm vòng, ảnh hưởng bởi khô hạn và ngập úng, cây giống trồng không đồng nhất do nông dân lấy hạt từ quả để trồng. Một số giống đu đủ nhập nội, giá thành hạt giống cao, chưa thích nghi với điều kiện canh tác của địa phương. Việc nghiên cứu lai tạo và tuyển chọn ra giống năng suất cao, phẩm chất ngon, giống chống chịu bệnh đốm vòng đã được thực hiện ở nhiều nước trên thế giới (Chan, 2004a; Varu, 2020). Phân tích kiểu di truyền trong chọn tạo giống trên đu đủ (Nair *et al.*, 2010). Các giống đu đủ địa phương rất đa dạng về kiểu hình, những giống có năng suất cao, phẩm chất ngon được khảo sát đánh giá và làm nguồn gen trong công tác chọn tạo giống (Nguyen Quoc Hung, 2008). Nghiên cứu chọn tạo giống đu đủ của trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội đã thu thập nguồn gen cây đu đủ địa phương kết hợp với các giống nhập nội, kết quả lai tạo đã chọn ra được 2 giống đu đủ mới mang tên VNĐĐ9 và VNĐĐ10.

Giống mới có năng suất tương đương với giống Đài Loan, nhưng khả năng kháng bệnh của giống này tốt và chất lượng cao hơn nhiều so với các giống Đài Loan (Nguyễn Văn Hoan và *ctv.*, 2010). Xử lý đột biến nhằm chọn giống cho năng suất cao, phẩm chất ngon (Nhat Hang N. T. and Chau N. M., 2010). Bằng phương pháp lai hữu tính một số con lai được tuyển chọn từ tổ hợp lai 'HCAR-164' × 'ĐLT' đã tuyển chọn những cá thể cho năng suất và phẩm chất ngon (Nguyễn Trinh Nhất Hằng và *ctv.*, 2010). Từ các kết quả nghiên cứu trên, một số giống đu đủ nhập nội và các giống/dòng địa phương đã được thu thập ở Tiền Giang cần được nghiên cứu khảo sát, đánh giá đặc tính sinh trưởng, năng suất và phẩm chất nhằm chọn ra giống đu đủ có phẩm chất ngon, năng suất ổn định, có thể trồng chuyên canh, trồng xen trong vườn cây ăn quả và thích nghi tốt với điều kiện sinh thái ở địa phương.

## II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Vật liệu nghiên cứu

Dụng cụ, vật dụng: Máy đo độ Brix (ATAGO, Nhật Bản sản xuất), máy đo độ chắc thịt quả, cân, thước, phân bón và thuốc trừ sâu bệnh và các dụng cụ cần thiết khác.

Giống: 7 giống/dòng đu đủ địa phương, giống chọn tạo và giống nhập nội.

Các giống đu đủ/Nghiệm thức thí nghiệm được thể hiện trong bảng 1.

<sup>1</sup> Khoa Nông nghiệp và Công nghệ thực phẩm, Trường Đại học Tiền Giang

**Bảng 1.** Giống /dòng đu đủ sử dụng trồng để khảo sát đánh giá

Tên giống/dòng	Nghiệm thức	Nguồn gốc
Đu đủ ruột đỏ	Đ1	Giống địa phương chọn trồng thuần
Đu đủ ĐM-70	Đ2	Giống chọn tạo (Viện Cây ăn quả miền Nam)
Đu đủ ruột vàng	Đ3	Giống thu thập ở Châu Thành, Tiền Giang
Đu đủ KD	Đ4	Giống đu đủ Kakdum được chọn thuần qua nhiều thế hệ (Nguồn gốc Thái Lan)
Đu đủ ruột vàng	Đ5	Giống thu thập ở Chợ Gạo, Tiền Giang
Đu đủ lùn F <sub>1</sub>	Đ6	Giống F <sub>1</sub>
Đu đủ F <sub>1</sub>	Đ7	Giống F <sub>1</sub> (Đài Loan)

**2.2. Phương pháp nghiên cứu**

**2.2.1. Bố trí thí nghiệm**

Thí nghiệm được bố trí theo kiểu khối hoàn toàn ngẫu nhiên, 7 nghiệm thức và 3 lần lặp lại (mỗi nghiệm thức là giống/dòng đu đủ và 4 cây/nghiệm thức).

Cách trồng và chăm sóc: Đu đủ được gieo trong bầu trước, tuyển lựa những cây đồng đều và đem trồng ngoài vườn; Khoảng cách trồng 2,5 m x 2,5 m (Mật độ tương đương 150 - 160 cây/1000 m<sup>2</sup>). Bón phân, chăm sóc vào giai đoạn cây con bằng cách pha loãng phân NPK vào nước và tưới. Các cây đều bón cùng loại và liều lượng phân (vôi + super lân + hữu cơ, urea, DAP và kali); Phòng trừ nhện đỏ và rệp sáp gây hại vào mùa nắng. Tưới nước giữ ẩm cho cây.

**2.2.2. Các chỉ tiêu theo dõi**

- Các chỉ tiêu sinh trưởng: Chiều cao cây (cm): đo từ gốc thân đến đỉnh ngọn; Số lá trên cây (lá): đếm tổng số lá trên cây; Đường kính gốc thân (cm): đo cách gốc 10cm; Đường kính tán lá (cm): vị trí tán lá rộng nhất; Thời gian đậu quả đầu tiên (ngày): thời gian từ khi trồng ngoài đồng đến khi cây đậu quả đầu tiên; Vị trí mang quả đầu tiên (cm): tính từ mặt đất đến vị trí mang quả đầu tiên; Hình dạng quả: ghi nhận hình dạng quả đặc trưng của từng giống hình thành từ hoa cái, hoa lưỡng tính.

- Năng suất và các thành phần năng suất: Trọng lượng quả (g): cân trọng lượng 5 - 10 quả và tính trung bình; Tổng số quả/ cây: ghi nhận tổng số quả trên cây trong vụ thu hoạch; Năng suất (kg/cây/vụ): cân tổng số quả thu hoạch/cây.

- Đặc tính phẩm chất quả (lấy 5 - 10 quả để đo chỉ tiêu): Màu sắc thịt quả khi chín; Chiều dài quả (cm), chiều rộng quả (cm); Dày thịt quả (cm): đo từ phần bên trong vỏ quả đến phần rỗng quả; Độ chắc thịt quả (kg/cm<sup>2</sup>): đo bằng máy đo penetro-meter; Độ ngọt TSS (Độ Brix%): đo bằng chiết quang kế hiệu Atago, Nhật.

**2.2.3. Phương pháp xử lý số liệu**

Số liệu của thí nghiệm được xử lý bằng chương trình Microsoft Excel. Phân tích phương sai (ANOVA), so sánh sự khác biệt các giá trị trung bình bằng phép thử Duncan ở mức ý nghĩa 5% hoặc 1%.

**2.3. Thời gian và địa điểm nghiên cứu**

Thí nghiệm được thực hiện từ năm 2017 - 2019 tại huyện Chợ Gạo - tỉnh Tiền Giang.

**III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN**

**3.1. Đặc tính sinh trưởng các giống/dòng đu đủ**

Qua kết quả bảng 2 ghi nhận các nghiệm thức Đ7, Đ4, Đ5 có chiều cao cây đạt 187,5 cm, 179,3 cm và 169,3 cm, các giống này có chiều cao khác biệt có ý nghĩa so với các nghiệm thức Đ2, Đ1, Đ3 (123,4 cm; 124,5 cm; 128,0 cm).

**Bảng 2.** Một số đặc tính sinh trưởng của các giống/dòng đu đủ nghiên cứu

Nghiệm thức	Chiều cao cây (cm)	Đường kính gốc thân (mm)	Đường kính tán cây (cm)	Tổng số lá trên cây (lá)
Đ1	124,5 c	65,1 b	189,3 b	17,8 b
Đ2	123,4 c	76,4 b	182,5 b	18,3 b
Đ3	128,0 c	65,6 b	178,0 b	20,0 b
Đ4	179,3 ab	86,5 a	212,0 ab	27,0 a
Đ5	169,3 ab	94,0 a	229,8 ab	30,5 a
Đ6	148,3 bc	92,2 a	276,1 a	26,5 a
Đ7	187,5 a	96,5 a	271,5 a	27,3 a
F	**	**	*	**
CV (%)	13,2	15,2	18,8	14,8

Ghi chú: Trong cùng một cột các trị số có cùng mẫu tự không khác biệt ở mức ý nghĩa 1% và 5% qua phép thử Duncan; Chỉ tiêu ghi nhận vào giai đoạn 6 tháng sau khi trồng.

Chỉ tiêu tăng trưởng đường kính gốc thân ghi nhận vào 6 tháng sau khi trồng cho thấy 4 nghiệm thức Đ4, Đ6, Đ5, Đ7 có đường kính gốc thân cao biến động từ 86,5 cm đến 96,5 cm khác biệt rất có ý nghĩa so với 3 nghiệm thức còn lại (Đ1, Đ2, Đ3).

Kết quả ghi nhận có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về đường kính tán cây của 2 nghiệm thức Đ6, Đ7 so với các nghiệm thức Đ3, Đ2, Đ1. Sau 6 tháng trồng nghiệm thức Đ6 và Đ7 có đường kính tán rộng 276,1 cm và 271,5 cm. Các giống Đ3, Đ2, Đ1 có đường kính tán hẹp hơn biến động từ 178,0 cm đến 189,3 cm.

Bảng 2 ghi nhận nghiệm thức có số lá cao nhất là nghiệm thức Đ5, Đ7, Đ4, Đ6 lần lượt là 30,5 lá, 27,3 lá, 27,0 lá và 26,5 lá, không khác biệt nhau nhưng khác biệt có ý nghĩa so với các nghiệm thức còn lại Đ1, Đ2, Đ3. Chiều cao cây và tổng số lá quyết định khoảng cách trồng sao cho có mật độ trồng thích hợp, sẽ tăng hiệu quả quang hợp.

**Bảng 3.** Một số đặc tính hoa và quả của các giống/dòng đu đủ nghiên cứu

Nghiệm thức	Thời gian đậu quả đầu tiên (ngày)	Vị trí mang quả đầu tiên (cm)	Dạng hoa	Dạng quả
Đ1	94,7 b	92,8 ab	Hoa lưỡng tính	Quả dài
Đ2	137,2 a	83,8 b	Hoa lưỡng tính	Quả dài
Đ3	82,5 b	100,8 a	Hoa cái	Quả tròn bầu
Đ4	72,8 bc	85,8 b	Hoa lưỡng tính	Quả thon dài
Đ5	80,9 b	95,5 ab	Hoa cái	Quả tròn bầu
Đ6	63,5 c	72,3 c	Hoa cái	Quả tròn
Đ7	89,3 b	84,0 b	Hoa lưỡng tính	Quả tròn nhọn
F	**	*		
CV (%)	13,1	14,3		

Ghi chú: Trong cùng một cột các trị số có cùng mẫu tự tự không khác biệt ở mức ý nghĩa 1% và 5% qua phép thử Duncan.

Thời gian đậu quả đầu tiên sẽ quyết định giống cho quả sớm hay muộn, và cũng là đặc trưng của từng giống. Qua bảng 3 cho thấy nghiệm thức Đ6

có thời gian từ khi trồng đến khi đậu quả đầu tiên là 63,5 ngày khác biệt có ý nghĩa so với các nghiệm thức còn lại (Trừ nghiệm thức Đ4 72,8 ngày). Nghiệm thức Đ3 thời gian từ khi trồng đến khi đậu quả đầu tiên dài nhất là 132,7 ngày.

Nghiệm thức Đ6 có vị trí mang quả đầu tiên thấp nhất (72,3 cm), khác biệt có ý nghĩa so với các nghiệm thức còn lại. Giống có vị trí mang quả cao là nghiệm thức Đ3 (100,8 cm) nhưng không có khác biệt so với nghiệm thức Đ5 (95,5 cm) và Đ1 (92,8 cm). Vị trí mang quả đu đủ thấp giúp thuận lợi cho việc chăm sóc và thu hoạch quả. Ngoài ra vị trí mang quả là một trong những đặc tính quan trọng trong chọn tạo giống đu đủ dạng cây mang quả thấp.

Nghiệm thức Đ1, Đ2, Đ4 và Đ7 cho hoa lưỡng tính và dạng quả dài trừ nghiệm thức Đ7 có hoa lưỡng tính nhưng có dạng quả tròn dài và nhọn ở đáy quả. Nghiệm thức Đ3, Đ5 và Đ6 cho hoa cái, dạng quả tròn (Bảng 3).

**Bảng 4.** Một số đặc tính về kích thước quả của các giống/dòng đu đủ nghiên cứu

Nghiệm thức	Chiều dài quả (cm)	Đường kính quả (cm)	Đường kính lõi quả (cm)
Đ1	23,3 c	8,68 d	4,60 d
Đ2	27,7 b	12,08 b	4,51 d
Đ3	13,1 f	9,07 d	6,15 c
Đ4	32,8 a	10,09 c	4,22 d
Đ5	22,2 d	12,30 b	7,19 b
Đ6	12,9 f	9,05 d	5,36 c
Đ7	19,8 e	14,75 a	9,35 a
F	**	**	**
CV (%)	3,3	5,4	13,0

Ghi chú: Trong cùng một cột các trị số có cùng mẫu tự không khác biệt ở mức ý nghĩa 1% qua phép thử Duncan.

Kết quả bảng 4 ghi nhận có sự khác biệt có ý nghĩa qua thống kê về chiều dài quả giữa các giống đu đủ. Nghiệm thức Đ4 có chiều dài quả dài nhất (32,8 cm) khác biệt có ý nghĩa so với các giống còn lại, dạng quả thon dài. Kể đến là nghiệm thức Đ2 có chiều dài quả là 27,7 cm, dạng quả dài. Nghiệm thức Đ6 và Đ3 có chiều dài quả ngắn (12,9 cm và 13,1 cm) tương ứng dạng quả tròn.

Nghiệm thức Đ7 có đường kính quả rộng nhất (14,75 cm) khác biệt có ý nghĩa với các giống còn lại, đường kính quả ghi nhận nhỏ nhất ở nghiệm thức Đ1, Đ6, Đ3 (8,68 cm; 9,05 cm và 9,07 cm).

Qua bảng 4 cho thấy có sự khác biệt về đường kính lõi quả (phần rỗng quả) giữa các nghiệm thức qua thống kê. Nghiệm thức Đ7 có đường kính lõi quả cao nhất (9,35 cm). Không có sự khác biệt qua thống kê về đường kính lõi quả giữa các nghiệm thức Đ4, Đ2, Đ1 ba giống này có đường kính lõi quả thấp lần lượt là 4,22 cm; 4,51 cm và 4,60 cm.

**3.2. Đặc tính năng suất và phẩm chất quả của các giống /dòng đu đủ**

Khối lượng quả và số lượng quả là các chỉ tiêu thành phần năng suất cấu thành năng suất quả đu đủ (Bảng 5).

**Bảng 5.** Năng suất và các thành phần năng suất của các giống/dòng đu đủ nghiên cứu

Nghiệm thức	Khối lượng quả (g/quả)	Số quả thu hoạch (quả)	Năng suất (kg/cây)
Đ1	1.065,3 b	18,9 bc	22,3 b
Đ2	1.522,3 a	19,7 b	25,6 ab
Đ3	367,5 d	22,4 a	10,5 f
Đ4	1.407,5 a	21,6 ab	27,3 a
Đ5	912,5 c	17,1 cd	16,2 e
Đ6	370,0 d	16,9 d	9,8 gf
Đ7	1.060,5 b	17,6 cd	18,9 d
F	**	*	*
CV (%)	9,3	13,5	16,8

*Ghi chú:* Trong cùng một cột các trị số có cùng mẫu tự không khác biệt ở mức ý nghĩa 1% và 5% qua phép thử Duncan.

Khối lượng quả: Bảng 5 ghi nhận có sự khác biệt có nghĩa qua thống kê về khối lượng trung bình quả giữa các giống. Nghiệm thức Đ2 và Đ4 có khối lượng quả to (1.522,3 g/quả và 1.407,5 g/quả) khác biệt có ý nghĩa so với các nghiệm thức còn lại. Nghiệm thức Đ1, Đ7 có khối lượng quả trung bình 1.065,3 g/quả và 1.060,5 g/quả. Nghiệm thức Đ3 và Đ6 có khối lượng quả nhỏ (367,5 g/quả và 370,0 g/quả).

Năng suất: Kết quả bảng 5 cho thấy nghiệm thức Đ4 và Đ2 có năng suất cao (27,3 kg/cây và 25,6 kg/cây) khác biệt có ý nghĩa qua thống kê so với giống còn lại. Hai nghiệm thức cho năng suất thấp là Đ6 và Đ3 (9,8 kg/cây và 10,5 kg/cây). Nghiệm thức Đ2 và Đ4 có khối lượng quả to, số lượng quả nhiều nên dẫn đến năng suất cao. Nghiệm thức Đ3 có số lượng quả nhiều nhưng khối lượng quả nhỏ dẫn đến năng suất thấp.

**Bảng 6.** Một số đặc tính phẩm chất quả của các giống /dòng đu đủ nghiên cứu

Nghiệm thức	Độ Brix (%)	Độ dày thịt quả (cm)	Độ chắc thịt quả (kg/cm <sup>2</sup> )	Màu sắc thịt quả
Đ1	10,0 b	2,94 a	1,66 ab	Đỏ
Đ2	10,2 b	2,96 a	1,71 ab	Đỏ
Đ3	8,3 d	2,28 c	1,56 ab	Vàng nhạt
Đ4	10,4 b	2,98 a	2,02 a	Đỏ
Đ5	9,3 cd	2,56 bc	1,07 bc	Vàng
Đ6	8,2 d	1,84 d	0,81 c	Cam
Đ7	11,4 a	2,70 ab	1,30 bc	Đỏ-cam
F	**	**	*	
CV (%)	5,9	8,0	7,9	

*Ghi chú:* Trong cùng một cột các trị số có cùng mẫu tự không khác biệt ở mức ý nghĩa 1% qua phép thử Duncan.

Kết quả thống kê bảng 6 cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa về độ dày thịt quả giữa các giống. Nghiệm thức Đ7, Đ1, Đ2, Đ4 có độ dày thịt quả đạt cao từ 2,70 cm - 2,98 cm, khác biệt có ý nghĩa so với các nghiệm thức Đ6, Đ3, (1,84 cm; 2,28 cm; 2,56 cm).

Độ chắc thịt quả bảng 6 ghi nhận có sự khác biệt có ý nghĩa qua thống kê về độ chắc thịt quả giữa các giống. Các nghiệm thức Đ4, Đ1, Đ2, Đ5 có độ chắc thịt quả cao (2,02 kg/cm<sup>2</sup> - 1,56 kg/cm<sup>2</sup>), độ chắc thịt quả thấp ghi nhận ở nghiệm thức Đ6 (0,81 kg/cm<sup>2</sup>).

**IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ**

**4.1. Kết luận**

Kết quả khảo sát bước đầu ghi nhận nghiệm thức Đ2 (giống đu đủ ĐM-70) và nghiệm thức Đ4 (giống đu đủ KD) có độ Brix đạt trên 10%, độ chắc thịt quả cao trên 1,7 kg/cm<sup>2</sup>, dạng quả thon dài có khối lượng quả to trên 1.400 g, năng suất (25,6 kg/cây và 27,3 kg/cây) cao hơn nghiệm thức đối chứng Đ7 (đu đủ Đài Loan).

**4.2. Đề nghị**

Tiếp tục khảo sát, đánh giá giống ĐM-70 và giống KD ở các điều kiện sinh thái khác nhau trong tỉnh Tiền Giang.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Nguyễn Trịnh Nhất Hằng, Nguyễn Phương Thúy và Nguyễn Minh Châu, 2010. Nghiên cứu lai tạo giống đu đủ có năng suất cao phẩm chất ngon từ tổ hợp lai ‘HCAR-164’ x ‘Đài Loan tím’. Trong *Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ (2006 - 2010)*. Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam. Nhà xuất bản Nông nghiệp. Hà Nội.

- Nguyễn Văn Hoan, Nguyễn Tuấn Anh, Nguyễn Thị Bích Hồng, 2010. Kết quả nghiên cứu, chọn tạo và khảo nghiệm hai giống đu đủ mới VNĐĐ9 và VNĐĐ10. Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.
- Chan, Y.K., 2004a. Field performance of papaya lines selected for tolerance to ringspot virus disease. *J. Trop. Agric and Fd. Sci.*, 31 (2): 128-137.
- Nair, C.S.J., J. Sereena and K. M. A. Khader, 2010. Genetic analysis in papaya (*Carica papaya* L.). *Acta Horticulturae*, 851: 117-122.
- Nhat Hang N. T. and Chau N. M., 2010. Radiation induced mutation for improving papaya variety in Vietnam. *Acta Horticulturae*, 851: 77-80.
- Nguyen Quoc Hung, 2008. Deversification of local papaya varieties in Vietnam and using strategies for breeding. In: *Papaya for nutritional security* (Eds N. Kumar, K. Soorianathassundaram, P. Jeyakumar). Second international symposium on papaya 9-12 December 2008, Tami Nadu, India.
- Varu, D.K., 2020. Evaluation of various selections on growth, flowering, yield and quality in papaya. *International Journal of Chemical Studies*, 8 (1): 1105-1111.
- FAO, 2017. Available from: <http://www.fao.org/faostat/en/#data/QC>.

## Evaluation of growth, yield and fruit quality of some papaya varieties in Tien Giang province

Nguyen Trinh Nhat Hang, Ha Thi Tuyet Phuong

### Abstract

Papaya (*Carica papaya* L.) is popularly cultivated in tropical and subtropical regions. In the Mekong River Delta, papaya is considered as short-duration fruit tree that can be grown as monocropped, intercropped in fruit orchard. Some local and introduced papaya varieties with phenotype diversity need to be evaluated for yield and quality. Growth characteristics, productivity and quality of some papaya varieties were evaluated in Tien Giang province during 2017 - 2019. The experiment was arranged in Randomized Complete Block Design (RCBD) with seven treatments (7 papaya varieties) and three replications. The results showed that TSS were over 10% Brix degree and firmness of fruit were high over 1.7 kg/cm<sup>2</sup> in DM-70 and KD papaya varieties. The average fruit weight was over 1,400 g; the yield reached 25.6 kg/tree and 27.3 kg/tree, higher than that of Taiwan papaya (Control). DM-70 and KD varieties were evaluated as good yield and quality among 7 studied papaya varieties.

**Keywords:** *Carica papaya*, quality, Tien Giang, yield

Ngày nhận bài: 08/02/2020

Ngày phản biện: 16/02/2020

Người phản biện: PGS.TS. Nguyễn Quốc Hùng

Ngày duyệt đăng: 27/02/2020

## ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, GIẢI PHẪU VÀ KHẢ NĂNG NHÂN GIỐNG MỘT SỐ LOÀI ĐÌNH LĂNG BẰNG PHƯƠNG PHÁP GIÁM HOM

Ninh Thị Phíp<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Thanh Hải<sup>1</sup>,  
Nguyễn Mai Thơm<sup>1</sup>, Nguyễn Phương Mai<sup>1</sup>,  
Nguyễn Đức Toàn<sup>2</sup>, Vũ Thị Hương Thủy<sup>3</sup>, Phạm Thị Xuân<sup>4</sup>

### TÓM TẮT

Đặc điểm hình thái của 8 mẫu giống thuộc 4 loài đình lăng khá đa dạng, là cơ sở để phân biệt giống, loài. Đình lăng lá nhỏ (ĐL2) có lá kép 2 - 3 lần lông chim, phiến lá xẻ không đều và dài nhọn. Đình lăng lá to (ĐL4) lá có kích thước to, kép lông chim lẻ, phiến lá dài xẻ không đều. Đình lăng lá cúc (ĐL8) có lá nhỏ, xẻ cùng một phía. Các loài đình lăng đều có loại rễ là rễ chùm, màu sắc rễ gần tương tự nhau từ vàng nhạt đến vàng nâu. Đa số các giống đình lăng có khả năng nhân giống cao bằng biện pháp giám hom. Tỷ lệ cây xuất vườn đạt trên 80%. Đình lăng lá cúc (ĐL8) có đường kính trung trụ, vỏ, lõi và bó gỗ thấp, khả năng nhân giống kém (tỷ lệ cây xuất vườn đạt 60%).

**Từ khóa:** Đình lăng (*Polycias spp.*), hình thái, nhân giống, giám hom

<sup>1</sup> Khoa Nông học, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

<sup>2</sup> Sinh viên lớp LTK60 KHCT, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

<sup>3</sup> Công ty cổ phần Traphaco; <sup>4</sup> Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam